

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 118/2024/HS-ST

Ngày 15-11-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ
2. Ông Nguyễn Văn Chấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thùy Linh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 104/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2024/HSST-QĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Văn M**, sinh năm 2001 tại xã P, huyện A Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện A Dũng, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị X; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 180/2017/HSST ngày 22/11/2017, Tòa án nhân dân huyện A Dũng xử phạt bị cáo 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 15/2018/HSST ngày 17/4/2018, Tòa án nhân dân huyện A Dũng xử phạt bị cáo 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp với Bản án số 180/2017/HSST ngày 22/11/2017, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 14 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2019, án phí ngày 08/6/2018; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/07/2024 đến nay (có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Y, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973; vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Y, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; vắng mặt
Địa chỉ: Thôn E, xã V, huyện A Dũng, tỉnh Bắc Giang
+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980; vắng mặt
Địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện A Dũng, tỉnh Bắc Giang
+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979; có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện A Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 24/7/2024, Nguyễn Văn M, sinh năm 2001 trú tại thôn Đ, xã P, huyện A Dũng, tỉnh Bắc Giang đi nhờ xe mô tô của một người không quen biết đến khu vực phà V, xã V, huyện A Dũng, tỉnh Bắc Giang chơi. Sau đó M gọi điện cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 trú tại thôn E, xã V, huyện A Dũng (là chú họ của M) ra đi chơi cùng. Lúc sau C đi xe mô tô đến chở M đi sang khu vực đầu thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam chơi. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, M rủ C đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nhưng C không đồng ý và đi xe mô tô về trước, còn M đi bộ theo dọc đường đê rồi đi tắt cánh đồng đến thôn Y, xã L, huyện Lục Nam. Khoảng 01 giờ ngày 25/7/2024, M đi bộ vào đường làng trong thôn Y, xã L, huyện Lục Nam thì thấy nhà anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1973 vẫn mở cổng, trong góc sân có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát (BKS) 98B1- 534.82. Quan sát không có người, M đi đến gần xe mô tô thì thấy chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá điện, M dắt chiếc xe ra cổng rồi nổ máy điều khiển xe đi về hướng đường Quốc lộ 37. Khi đi được khoảng 300m, M thấy nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 ở thôn Y, xã L, huyện Lục Nam mở cổng, M dừng xe lại nhìn vào khu vực nhà ngang thì thấy đang dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 98B3- 382.53, M nảy sinh ý định tiếp tục trộm cắp chiếc xe mô tô này. Sau đó M điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được của gia đình anh A đi giấu tại nhà văn hoá thôn Y, xã L rồi M đi bộ quay lại nhà anh T, quan sát không có người, M đi vào nhà ngang, thấy xe mô tô BKS 98B3- 382.53 vẫn cắm chìa khoá ở ổ khoá điện, M dắt xe mô tô ra cổng, nổ máy đi đến nhà văn hoá thôn Y, xã L. Tại đây M mở cốp 02 chiếc xe ra để xem có tài sản không thì thấy trong cốp xe mô tô BKS 98B3- 382.53 có 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T, còn trong cốp xe mô tô BKS 98B1- 534.82 không có tài sản gì. Sau đó M điều khiển xe mô tô BKS 98B1-

534.82 đến ngôi nhà hoang ở rìa đường thôn Y, xã L giấu ở đó rồi quay lại lấy chiếc xe mô tô BKS 98B3- 382.53 đi thẳng về nhà ở thôn Đ, xã P, huyện A Dũng dựng xe ở đầu hồi nhà rồi đi ngủ. Đến khoảng 16 giờ ngày 25/7/2024, M điện thoại cho C nhờ C đến đem chiếc xe mô tô của bạn M đi cầm đồ, C đồng ý. Lúc sau C đến nhà M, M đưa chìa khoá và đăng ký xe mô tô BKS 98B3- 382.53 cho C, C thấy Biển kiểm soát xe trùng với Biển kiểm soát trong đăng ký nên đã điều khiển xe mô tô BKS 98B3- 382.53 đến quán cầm đồ của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 trú tại thôn H, xã G, huyện A Dũng để cầm đồ. Đến nơi C đi vào trong cầm cố xe được 6.000.000 đồng rồi quay ra đưa tiền cho M, M cầm tiền và cho C 500.000 đồng. Sau đó M tiếp tục nhờ C chở sang khu vực xã L, huyện Lục Nam để lấy xe mô tô, C đồng ý. Trước khi đi M lấy áo chống nắng màu xanh có nhiều họa tiết và có chữ Adidas của bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979 (là mẹ M) để ở hiên mặc (bên trong áo có 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu ghi; 01 điện thoại Samsung Galaxy A04S màu đen của bà X). Khi C chở M đến gần ngôi nhà thì M xuống xe đi bộ vào lấy xe mô tô BKS 98B1- 534.82 đề nổ máy đi ra chỗ C rồi M đi trước C đi sau. Khi M đi ra đến đầu đường Quốc lộ 37 thuộc thôn Y, xã L, huyện Lục Nam thì bị Công an huyện Lục Nam QI hợp cùng Công an xã L kiểm tra bắt giữ M cùng xe mô tô BKS 98B1- 534.82, còn C điều khiển xe mô tô đi về nhà.

Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Văn M: 01 áo chống nắng màu xanh có nhiều họa tiết và có chữ Adidas; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu ghi; 01 điện thoại Samsung Galaxy A04S màu đen; 01 chiếc túi vải màu đen, có dây đeo; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh; 02 chiếc cò lê (01 cò lê một đầu 8 một đầu 10; 01 cò lê một đầu 10 một đầu 14); số tiền 4.925.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn M không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Ngày 25/7/2024, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn A làm đơn trình báo. Ngày 26/7/2024, anh Nguyễn Văn Q giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B3- 382.53; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 55 ngày 30/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam, kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B1- 534.82 có giá trị là 3.600.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B3- 382.53 có giá trị là 12.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 16.200.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Văn A 01 chiếc xe mô tô BKS 98B1- 534.82; trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô BKS 98B3- 382.53 cùng 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T; trả lại bà Nguyễn Thị X 01 áo chống nắng màu xanh có nhiều họa tiết và có chữ Adidas; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu ghi; 01 điện thoại Samsung Galaxy A04S màu đen. Còn 01 chiếc túi vải màu đen có dây đeo; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh; 02 chiếc cò lê (01 cò lê một đầu 8 một

đầu 10; 01 cò lê một đầu 10 một đầu 14); số tiền 4.925.000 đồng thu giữ trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Q yêu cầu Nguyễn Văn M phải hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng. Hiện M chưa hoàn trả tiền cho anh Q.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn M đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 110/CT-VKS ngày 09/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam trình bày lời luận tội, phân tích hành vi, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, giữ nguA quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và tuA bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điều luật và xử phạt đối với bị cáo như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn M tù 15 tháng tù đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: : Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi vải màu đen có dây đeo; 02 chiếc cò lê (01 cò lê một đầu 8 một đầu 10; 01 cò lê một đầu 10 một đầu 14). Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh; số tiền 4.925.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ

vụ án. Như vậy, đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 25/7/2024, tại thôn Y, xã L, huyện Lục Nam, Nguyễn Văn M có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B1- 534.82 của ông Nguyễn Văn A, có giá trị là 3.600.000 đồng và trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS 98B3- 382.53 của ông Nguyễn Văn T, có giá trị là 12.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản M trộm cắp là 16.200.000 đồng.

[3]. Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo thực hiện liên tiếp hai hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo tích cực vận động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trộm cắp của bị cáo gây ra. Mẹ bị cáo bà Nguyễn Thị X đã tự nguyện hoàn trả anh Nguyễn Văn Q số tiền 6.000.000 đồng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.3]. Về nhân thân: Tại Bản án số 180/2017/HSST ngày 22/11/2017, Tòa án nhân dân huyện A Dững xử phạt bị cáo 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 15/2018/HSST ngày 17/4/2018, Tòa án nhân dân huyện A Dững xử phạt 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo.

[5]. Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Bị cáo chưa có gia đình riêng, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn M phải hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, mẹ bị cáo bà Nguyễn Thị X đã hoàn trả anh Nguyễn Văn Q số tiền 6.000.000 đồng, anh Q không có yêu cầu gì thêm; bà Nguyễn Thị X không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn M phải hoàn lại cho bà số tiền trên; bị cáo Nguyễn Văn M không yêu cầu anh Nguyễn Văn C trả lại số tiền 500.000 đồng bị cáo đưa cho anh C do bán xe mô tô trộm cắp được mà có, nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[8]. Về vật chứng: 01 chiếc túi vải màu đen có dây đeo (cũ, đã qua sử dụng), 02 chiếc cờ lê (01 cờ lê một đầu 8 một đầu 10; 01 cờ lê một đầu 10 một đầu 14, cũ đã qua sử dụng) là tài sản của bị cáo, bị cáo không có yêu cầu xin lại, giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội; số tiền 4.925.000 đồng do bị cáo cầm cố tài sản trộm cắp cho anh Nguyễn Văn Q mà có, nên cần hoàn lại cho anh Nguyễn Văn Q. Tuy nhiên, mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị X đã hoàn lại toàn bộ số tiền thiệt hại (6.000.000 đồng) cho anh Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị X không yêu cầu bị cáo phải trả tiền lại cho bà, nên các tài sản trên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9]. Đối với Nguyễn Văn C, khi bị cáo Nguyễn Văn M nhờ đi cầm cố xe mô tô và sau đó đưa M đi lấy chiếc xe mô tô cất giấu ở thôn Y, xã L, huyện Lục Nam, C không biết đó là xe mô tô do M trộm cắp mà có. Anh Nguyễn Văn Q là người nhận cầm cố xe mô tô cũng không biết đó là tài sản do M trộm cắp mà có. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M cũng thừa nhận nội dung trên là đúng, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q là có cơ sở.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn M 01 năm 03 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/07/2024.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi vải màu đen có dây đeo (cũ, đã qua sử dụng), 02 chiếc cò lê (01 cò lê một đầu 8 một đầu 10; 01 cò lê một đầu 10 một đầu 14, cũ đã qua sử dụng).

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh (đã qua sử dụng); số tiền 4.925.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuA án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp;
- Những người TGTT vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án, v/p.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân